

Bản án số: 53/2023/DS-PT

Ngày: 14 - 7- 2023

V/v “*Yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở quyền sử
dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**

ông Nguyễn Thành Trung

Thư ký phiên tòa: bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1955.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962

Cùng trú tại: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Q1.

Địa chỉ: Tổ C, khu phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: ông Nguyễn T, sinh năm 1967. Do ông Nguyễn T1, sinh năm 1973; Cùng trú tại: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam làm đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 04/7/2023.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988

4. Ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1991

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1998

Cùng trú tại: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Trụ sở tại: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Do ông Lê Xuân T4, Phó chủ tịch UBND xã B và ông Nguyễn Văn H1, công chức địa chính làm đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2023.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Tuyết S người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Vợ chồng ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị H đã được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 117, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.759m² tại thôn H, xã B vào năm 1999. Phía bên hông thửa đất này có một lối đi rất nhỏ, lối đi dẫn vào nhà ông Nguyễn T. Nguyên thủy con đường này rộng chưa đến 02m chiều ngang. Trước đây, ông Nguyễn T và gia đình không đi lối đi này mà đi bằng lối đi khác rộng hơn ở phía bên trên. Khi những hộ dân ở con đường phía trên làm bê tông con đường, gia đình ông T không đóng tiền, nên những người dân nơi này không cho gia đình ông T đi chung. Khi mẹ ông T chết, không có đường đi nên ông T có nói vợ chồng ông D bà H cho mở rộng để đưa đám tang thì vợ chồng ông D bà H đồng ý. Thời gian sau ông T làm nhà và xe chở vật liệu không vào được nên xin ông D bà H mở hàng rào để xe vào đổ vật liệu. Sau đó ông T tự ý thuê người chở đất đá về coi nói mở rộng đường đi, tự ý phá dỡ hàng rào, trụ bê tông của ông đã xây dựng trước đó. Gia đình ông D bà H đã ngăn cản nhưng ông T vẫn thực hiện. Ông D bà H đã báo cáo chính quyền địa phương nhưng giải quyết không dứt điểm. Nay ông D bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 60,6m² đất nằm trong thửa đất số 117, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.759m² được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất ngày 20/4/1999 tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Khi bà về làm dâu nhà ông D thì con đường này rất nhỏ. Khi ông D đến UBND xã B hòa giải về thì gia đình bà không đồng ý với chiều rộng con đường là 3m và đã khiếu nại với UBND xã B ngay sau đó vì không có cơ sở và khởi kiện ra Tòa án. Bà thống nhất với lời trình bày của bà S và yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 60,6m² đất nằm trong thửa đất số 117.

Ông Nguyễn Tấn D trình bày: Ông không thống nhất với Biên bản hòa giải ở xã nên mới khởi kiện ra Tòa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Phi P1 trình bày: Nguyên thủy con đường dẫn vào nhà ba mẹ tôi có từ lâu đời, lâu nay nhân dân nơi này vẫn sử dụng. Lúc trước do con đường này đường đất thấp và bị ngập nước nên gia đình tôi tiến hành đổ đất và có thông báo cho gia đình ông D bà H biết. Còn hàng rào của nhà ông D bị lệch và trụ mốc bị nhỏ không phải do chúng tôi làm. Khi UBND xã B xác định con đường rộng 03m thì gia đình tôi mở cho đúng 03m như UBND xã B đã nêu ở biên bản. Vợ chồng ông D buộc ông Nguyễn

T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 60,6m² đất nằm trong thửa đất số 117 thì tôi không đồng ý.

- *Quá trình tố tụng, ông Nguyễn T trình bày:* Ông thừa nhận có phá dỡ hàng rào và nhổ trụ bê tông của vợ chồng ông D, bà H và trồng lại cho đúng chiều ngang 03m của con đường theo hòa giải của UBND xã B. Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Tấn T3 và Nguyễn Thị Ngọc Q đều có lời trình bày như nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D bà Nguyễn Thị H.

Với nội dung như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 163, 164, 169 Bộ luật dân sự; Điều 97; Khoản 7 Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn T. Công nhận lỗi đi dẫn vào nhà ông Nguyễn T có chiều ngang 1,6m và chiều dài hết thửa đất ông D bà H. Buộc ông T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H, trả lại nguyên hiện trạng con đường có chiều ngang là 1,6m (Theo sơ đồ trích đo ngày 29/8/2022 kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2023, bị đơn ông Nguyễn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số DSST số 104/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày về nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ

vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo ông Nguyễn T không rút đơn kháng cáo mà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại **toàn bộ** bản án sơ thẩm.

Về thời hạn kháng cáo: ông Nguyễn T kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Vợ chồng ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị H đã được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số thửa 117, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.759m² tại thôn H, xã B. Phía Bắc thửa đất có lối đi dẫn vào nhà ông Nguyễn T.

Theo ông D bà H thì lối đi này có chiều ngang 1,6m. Trước đây, gia đình ông T không đi lối này mà đi bằng lối phía trên rộng hơn. Khi con đường phía trên được cải tạo bê tông hóa, gia đình ông T không đóng tiền làm đường, nên người dân đi con đường đó không cho gia đình ông T đi chung. Khi mẹ ông T chết không có đường đi nên ông T có nói vợ chồng ông D bà H cho mở rộng lối đi để đưa tang thì vợ chồng ông D bà H đồng ý. Thời gian sau, ông T làm nhà và xe chở vật liệu không vào được, nên ông T xin ông D bà H mở hàng rào để xe vào đổ vật liệu. Sau đó, ông T tự ý thuê người chở đất đá về coi nói mở rộng đường đi, tự ý phá dỡ hàng rào, trụ bê tông của vợ chồng ông D đã trồng trước đó. Gia đình ông D bà H đã ngăn cản nhưng ông T vẫn thực hiện. Theo ông T thì ông có mở con đường sau đó dựng lại như cũ và đổ đất để đường không bị lún. Ông cho rằng ông không chiếm đất của ông D bà H mà chỉ thực hiện đúng con đường đó có chiều ngang 03m như biên bản hòa giải tại UBND xã B thì gia đình ông mới chấp nhận. Nay ông D bà H không đồng ý với Biên bản hòa giải của UBND xã B. Do vậy, ông D bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông Nguyễn T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 60,6m² đất nằm trong thửa đất số 117, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.759m² được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất ngày 20/4/1999 tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn T thì thấy:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải tại UBND xã B ngày 26/4/2019, sơ đồ bản vẽ thửa đất theo Nghị định 64/CP, sơ đồ bản vẽ mới theo dữ liệu vùng Đông; Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn Tấn D, thì việc bị đơn ông Nguyễn T tự ý: Phá dỡ hàng rào, nhổ cọc bê tông, đổ đất lấn chiếm vào diện tích 60,6m² đất của vợ chồng ông Nguyễn Tấn D đang sử dụng. Bị đơn ông Nguyễn T cũng thừa nhận: có phá dỡ hàng rào, nhổ cọc hàng rào, đổ đất, có chặt các cây của vợ chồng ông D để xe chở vật liệu vào làm nhà.

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/10/2019 thì thửa đất của ông D bà H hiện có diện tích 1.561,7m², Giấy CNQSD đất thửa đất số 117, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.759m². Vậy thực tế ông D bà H sử dụng đất còn thiếu so với diện tích được cấp 197,3m² đất.

- Tại Sơ đồ bản vẽ theo Nghị định 64/CP thì bên hông thửa đất của ông D bà H sử dụng là góc ngã tư của hai con đường vuông góc và đối xứng nhau. Tuy nhiên, khi xem xét thẩm định thực tế thì hiện nay con đường bị lệch và lấn sang phần đất của ông D bà H.

- Tại phiên tòa ngày 29/01/2021 ông T thừa nhận: có phá dỡ hàng rào, nhờ trụ bê tông đang làm hàng rào của vợ chồng ông D để trồng lại cho đủ 03m như hòa giải ở UBND xã B. Ông T cũng thừa nhận: có nói việc mở đường với vợ chồng ông D tại nhà ông D.

- Tại Biên bản thẩm định, xem xét và đo đạc tại chỗ lần thứ 2 ngày 17/3/2021 thể hiện: Khi xác định tọa độ ở chiều rộng con đường 1,6m thì lúc này con đường vào nhà ông T đối xứng với nhau và vuông góc với con đường bê tông phía trước khu đất ông D bà H như sơ đồ theo hồ sơ 64/CP.

- Tại phiên tòa trước đây bà P1 cũng thừa nhận khi gia đình bà làm nhà thì xe chở vật liệu xây dựng không vào được, nên có nhờ trụ bê tông coi nói con đường để xe chở vật liệu vào. UBND xã B cũng không có chứng cứ chứng minh con đường đang tranh chấp rộng 03m. Việc ông Nguyễn T tự ý: Phá dỡ hàng rào, nhờ cọc bê tông, đổ đất lấn chiếm vào diện tích 60,6m² đất của vợ chồng ông Nguyễn Tấn D đang sử dụng để mở rộng lối đi là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có mặt đều thừa nhận: Gia đình ông Nguyễn T có 02 lối đi ra đường công cộng, ông Nguyễn T cũng không đồng ý trả giá trị diện tích đất cho vợ chồng ông D để được mở rộng lối đi.

Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn T. Công nhận lối đi dẫn vào nhà ông Nguyễn T có chiều ngang 1,6m và chiều dài hết thửa đất ông D bà H. Buộc ông T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích 60,6m² đất của hộ ông Nguyễn Tấn D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T không cung cấp chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T nên giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng các điều 26, 35, 38, 39, 147, 148, 157, 165, 227, 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015; các điều 163, 164, 169 Bộ luật dân sự; Điều 97; Khoản 7 Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Nguyễn T.

Buộc ông Nguyễn T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 60,6m² đất nằm trong thửa đất số 117, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.759m² được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất ngày 20/4/1999 tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (*Theo sơ đồ trích đo ngày 29/8/2022 kèm theo*).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 9.800.000 đồng: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D tự nguyện nhận nộp và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho ông Nguyễn Tấn D số tiền tạm ứng án phí (Do bà Nguyễn Thị Tuyết S nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tại biên lai thu số 0021094 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tại biên lai thu số 0006189 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Thịnh

